

Chương 044

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 tháng năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	ĐV tính: Triệu đồng	
				Ước thực hiện 9 tháng năm 2026/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	99.077	60.227	60,79	
I	Nguồn ngân sách nhà nước	97.977	59.528	60,76	
1	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	9.453	3.635	38,46	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	9.453	3.635	38,46	
	Nhiệm vụ KHCN , ĐMST cấp qua Quỹ PTKHCN				
	Nhiệm vụ KHCN , ĐMST không cấp qua Quỹ PTKHCN	9.453	3.635	38,46	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	88.524	55.893	63,14	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	57.905	48.320	83,45	
a	Loại 070 - khoản 081	52.905	44.952	84,97	
b	Loại 070 - khoản 082	5.000	3.368	67,36	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	30.619	7.574	24,74	
a	Loại 070-081	27.440	5.754	20,97	
b	Loại 400-402	3.179	1.820	57,25	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	1.100	698	63,48	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.100	698	63,48	
3.1	Dự án: Giới trẻ với vấn đề chuyển đổi sinh thái xã hội và phát triển cộng đồng bền vững	1.100	698	63,48	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 6 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



GS.TS. Hoàng Anh Tuấn

